

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Việc quản lý, sử dụng, khai thác và chế độ báo cáo đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân. Việc quản lý, sử dụng, khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do đối tượng khác (ngoài các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này và điểm a, điểm b khoản này) đầu tư, quản lý và các tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải.

2. Cơ quan quản lý hàng hải, gồm:

a) Cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương là cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành hàng hải.

b) Cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương là cơ quan tham mưu về lĩnh vực hàng hải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau đây gọi là đối tượng quản lý tài sản), gồm:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản là cơ quan quản lý hàng hải quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản ở trung ương), điểm b khoản 2 Điều này (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản ở địa phương).

b) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản), gồm:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải thuộc Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật về hàng hải;

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải thuộc Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật về hàng hải.

4. Tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này.

5. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Điều 3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là công trình kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật về hàng hải và vùng đất, vùng nước, vùng biển gắn với kết cấu hạ tầng hàng hải (nếu có), gồm:

- a) Bến cảng, bến phao.
- b) Trụ sở, cơ sở dịch vụ, kho, bãi, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng.
- c) Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng.
- d) Đèn biển và nhà trạm gắn với đèn biển; đăng tiêu độc lập.
- đ) Phao, tiêu, nhà trạm và cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu.
- e) Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS).
- g) Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ.
- h) Luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch.
- i) Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển.
- k) Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam gồm máy móc, trang thiết bị, nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia được xác định như sau:

- a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có liên quan đến quốc phòng theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc sau đây:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thống kê, kê toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được thực hiện chế độ tính hao mòn tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.
2. Việc khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Trường hợp khai thác, xử lý một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo hoạt động giao thông hàng hải thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.
3. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của

Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý hàng hải, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định tại hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản.

4. Trường hợp thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này mà làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác có liên quan thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đó và phải có giải pháp, xác định rõ trách nhiệm để khắc phục.

5. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý, sử dụng đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về hàng hải, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp thu hồi đất, mặt nước gắn với kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đất đai thì việc thu hồi đất gắn với tài sản, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Việc sử dụng quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng hàng hải được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chương II

GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 5. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho các đối tượng quản lý

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giao cho cơ quan quản lý tài sản theo hình thức ghi tăng tài sản gồm:

a) Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h và i khoản 1 Điều 3 Nghị định này thuộc trung ương quản lý.

b) Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại các điểm a, b, c, g, h và i khoản 1 Điều 3 Nghị định này thuộc địa phương quản lý.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) gồm:

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm k khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quản lý thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao, điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư, chủ dự án, ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng (cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản); không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng đó không phải là cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này hoặc điều chuyển sang Bộ Xây dựng để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này;

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu trên thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sang cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này hoặc sang Bộ Xây dựng để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do các đối tượng không phải là cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản sang cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này hoặc sang Bộ Xây dựng để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định này để quyết định và thực hiện điều chuyển tài sản.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc trung ương quản lý.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc địa phương quản lý.

Điều 7. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chỉ đạo thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này quản lý thì cơ quan, doanh nghiệp được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan, doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tạm giao cho cơ quan, doanh nghiệp quy định khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan, doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này) quản lý.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được điều chuyển về Bộ Xây dựng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này.

2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này, báo cáo Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý hàng hải về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý hàng hải lập: bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

3. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao tài sản thì cơ quan quản lý hàng hải thực hiện hoặc chủ trì phối hợp với cơ quan, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý thực hiện xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì cơ quan quản lý hàng hải phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý hàng hải thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Chi phí thuê thẩm định giá được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý hàng hải.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý hàng hải trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

5. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản. Trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì danh mục tài sản giao bao gồm cả giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Hình thức giao tài sản.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với tài sản được giao cho cơ quan quản lý tài sản:

a) Cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có

liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

7. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với tài sản được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này; sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

8. Doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng hải, pháp luật khác có liên quan và các quy định sau đây:

a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giao cho doanh nghiệp quản lý.

b) Việc xác định chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả tài sản do Nhà nước giao theo quy định tại Nghị định này và tài sản do doanh nghiệp đầu tư từ nguồn vốn của doanh nghiệp) được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan đến chi phí bảo trì công trình.

c) Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

d) Đối với công trình hàng hải không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích hàng hải mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn liền với công trình đó cho Nhà nước và các trường hợp khác phải thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

đ) Doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

e) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Chương III Nghị định này.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI GIAO CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI SẢN

Mục 1

HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 8. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; hồ sơ pháp lý về đất, mặt nước gắn với kết cấu hạ tầng hàng hải đối với trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền giao, cho thuê đất, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này.

c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này.

2. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

Trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ đối với các hồ sơ đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan.

2. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.

b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định theo nguyên tắc:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được mua sắm, đầu tư xây dựng mới thì nguyên giá để ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, giá trị đầu tư xây dựng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.

Trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư được quyết toán chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng, dự toán chi tiết, tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng...).

Trường hợp tài sản đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

Giá trị thẩm tra quyết toán;

Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán;

Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (quyết toán A-B);

Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất;

Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan quản lý tài sản thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền thì nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản được xác định căn cứ vào nguyên giá, giá trị còn lại ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển.

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không có thông tin để xác định giá trị tài sản theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau:

Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương để xác định giá trị tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định để làm nguyên giá tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán và cũng không áp dụng được giá quy ước thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

đ) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong quá trình sử dụng thực hiện kiểm kê phát hiện thừa thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, giá trị ghi sổ kế toán được xác định tương ứng theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.

4. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khi thực hiện tổng kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình.

d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.

đ) Bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự kiện bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì hàng hải hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

5. Giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại Nghị định này được sử dụng để ghi sổ kế toán, kê khai để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc kế toán, quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mục 2

BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH THUỘC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI VÀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH TÀI SẢN TRONG THỜI GIAN NÂNG CẤP, CẢI TẠO, MỞ RỘNG TÀI SẢN

Điều 10. Bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải được bảo trì nhằm bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác tài sản.

2. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với trường hợp bố trí kinh phí bảo trì từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Việc tổ chức thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải, pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật khác có liên quan.

5. Trong quá trình bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì công trình thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

6. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mà trong Hợp đồng quy định trách nhiệm của Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản thực hiện bảo trì công trình thì Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký bằng nguồn kinh phí của mình.

Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) trong trường hợp này do Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản tự thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo hình thức bảo trì nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Điều 11. Quản lý, vận hành tài sản trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt

1. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có được đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có) thì việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về hàng hải, pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng không phải là cơ quan quản lý tài sản thì căn cứ dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý tài sản tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện đầu tư. Việc tạm bàn giao tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trong thời gian tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho chủ đầu tư dự án, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản; chủ đầu tư có trách nhiệm bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện dự án, trong đó có trách nhiệm bảo trì công trình thuộc tài sản trong trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có bố trí kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản; trong trường hợp này, không bố trí kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản cho cơ quan quản lý tài sản trong thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án.

c) Sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao lại tài sản và phần giá trị tăng thêm của tài sản do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Mục 3**KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI****Điều 12. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải****1. Phương thức khai thác:**

a) Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

2. Trường hợp áp dụng phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này mà phải thuê tư vấn lập Đề án khai thác tài sản thì chi phí thuê tư vấn lập Đề án khai thác tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý tài sản và được trừ vào số tiền thu được từ khai thác tài sản; trường hợp không có nguồn thu từ khai thác tài sản thì sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý tài sản.

3. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm:

a) Phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

b) Tiền thu từ giá dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng hàng hải và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

c) Tiền thu từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông; không phải lập, phê duyệt đề án khai thác và thực hiện việc khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc cho phép xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

5. Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời hạn thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; không phải lập, phê duyệt đề án khai thác và thực hiện việc khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản

1. Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật có liên quan.

Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong các trường hợp sau:

a) Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không thuộc phạm vi điểm a khoản này, không phát sinh nguồn thu hoặc có phát sinh nguồn thu nhưng không thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

2. Việc khai thác tài sản trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải lập Đề án khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này trước khi thực hiện khai thác.

Việc khai thác tài sản trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không phải lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản.

3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Bộ Xây dựng (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý). Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập): bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm b khoản này: bản sao.

4. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản gồm:

a) Tên cơ quan quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Phương thức khai thác: Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác.

d) Thời hạn khai thác tài sản (nếu có).

đ) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý hàng hải.

e) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan quản lý tài sản.

g) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản.

h) Tổ chức thực hiện.

5. Cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hàng hải, pháp luật có liên quan.

6. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

Điều 14. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là việc Nhà nước chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho tổ chức theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

2. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cho thuê quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có.

3. Việc cho thuê quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không áp dụng đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không phát sinh nguồn thu từ việc khai thác.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc trường hợp quy định khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

4. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định cụ thể trong hợp đồng phù hợp với từng tài sản hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

b) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b và c khoản 5 Điều này:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình Bộ Xây dựng (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý). Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

7. Việc lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:

a) Việc lập hồ sơ, trình Bộ Xây dựng (đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản do cơ

quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý) về việc đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập): bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 6 Điều này: bản sao.

8. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản gồm:

a) Tên cơ quan quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

đ) Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản.

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (trả tiền hằng năm hoặc trả tiền một lần cho cả thời gian thuê) làm căn cứ thực hiện xác định giá khởi điểm khi đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản.

g) Thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

h) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý hàng hải.

k) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan quản lý tài sản.

l) Tổ chức thực hiện.

9. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

b) Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng hàng hải, hành lang an toàn hàng hải phù hợp với quy định của pháp luật về hàng hải), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề kinh doanh theo Quyết định thành lập, Quyết định về tổ chức và hoạt động, Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc kinh doanh khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc danh mục cho thuê quyền khai thác tài sản;

Có năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá;

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liên tiếp theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

10. Ký hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được ký giữa cơ quan quản lý tài sản và tổ chức trúng đấu giá, gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (cơ quan quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác ~~tài sản~~ (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Tiền thuê quyền khai thác tài sản phải trả, bao gồm:

Giá thu cố định được xác định theo giá trúng đấu giá;

Giá thu biến đổi được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

Đối với giá thu cố định được trả hằng năm hoặc trả một lần cho cả thời gian thuê. Việc trả hằng năm hoặc trả một lần cho cả thời gian thuê phải được xác định cụ thể khi đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản.

Trường hợp giá thu cố định được trả hằng năm thì được thanh toán 02 lần trong năm: Lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê của năm chậm nhất vào ngày 30 tháng 6, lần 2 thanh toán số tiền còn lại chậm nhất là ngày 31 tháng 12. Trường hợp giá thu cố định được trả một lần cho cả thời gian thuê thì được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp số tiền thuê trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% số tiền thuê trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% số tiền thuê trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

Đối với giá thu biến đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định này được nộp hằng năm vào năm sau và chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày Báo cáo tài chính được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập). Trường hợp kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Báo cáo tài chính của năm cuối cùng chưa được kiểm toán theo quy định (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán của năm cuối cùng chưa được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định thì giá thu biến đổi của năm cuối cùng hoặc số tháng của năm cuối cùng theo thực tế thuê được tính trên cơ sở lợi nhuận trước thuế khai thác thực tế do Bên thuê và Bên cho thuê xác định và không thấp hơn giá thu biến đổi của năm, tháng tương ứng của năm trước liền kề.

g) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định tối thiểu bằng mức giá thu cố định bình quân của 01 năm theo giá trúng đấu giá (giá thu cố định trúng đấu giá của toàn bộ thời hạn thuê chia (:) số năm thuê quyền khai thác) áp dụng cho cả hình thức nộp tiền một lần cho cả thời hạn thuê hoặc nộp tiền hằng năm.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê); phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).

h) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

i) Thời hạn Bên cho thuê quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê.

k) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

l) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

m) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên thuê phải thực hiện nếu Bên thuê vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

n) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và phụ lục hợp đồng (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

11. Quyền của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định về hoạt động hàng hải và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng hàng hải và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

đ) Được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng cho tài sản nhận thuê quyền khai thác bằng nguồn kinh phí của Bên thuê để phục vụ mục đích quản lý, khai thác nếu được Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Sau khi kết

thúc hợp đồng, Bên thuê phải chuyển giao nguyên trạng tài sản bao gồm cả hạng mục công trình đã được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng (nếu có) lại cho Bên cho thuê và không được bồi hoàn.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

12. Nghĩa vụ của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bảo vệ tài sản nhận thuê quyền khai thác (bao gồm cả đất, mặt nước gắn với công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên cho thuê để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của tài sản; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp hoặc thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

c) Thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên thuê quyền khai thác tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức nộp phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc khai thác tài sản nhận thuê quyền khai thác kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập), gửi Bên cho thuê quyền khai thác tài sản.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản; cùng Bên cho thuê quyền khai thác tài sản giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có).

g) Giao lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê quyền khai thác tài sản và các trường hợp quy định tại khoản 16, khoản 17 Điều này.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của hợp đồng ký kết phải thông báo cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản về tình trạng của tài sản, bảo đảm hoạt động hàng hải được an toàn, thông suốt.

i) Các nghĩa vụ khác theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

13. Cơ quan quản lý tài sản, cơ quan quản lý hàng hải có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

14. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

15. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê kể từ ngày kết thúc thời hạn theo hợp đồng hoặc kết thúc thời hạn kéo dài của hợp đồng quy định tại khoản 18 Điều này (nếu có), kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

b) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản phải được lập thành biên bản.

c) Thực hiện khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản.

d) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản, hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản và Bên thuê có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ dân sự khác.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

e) Nhận lại số tiền ký quỹ quy định tại điểm g khoản 10 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải thanh toán, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

16. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo hợp đồng, Bên cho thuê có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên thuê quyền khai thác tài sản khắc phục các hư hại của tài sản theo quy định).

17. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm g khoản 10 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.

18. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.

19. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về hàng hải và pháp luật có liên quan. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hằng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá trị hoàn trả hoặc thời gian kéo dài; trường hợp thực hiện hoàn trả thì số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.

Điều 15. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác tài sản cho doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định gắn với việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để nhận một khoản tiền tương ứng theo hợp đồng.

2. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản.

3. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không phát sinh nguồn thu từ việc khai thác.

4. Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định cụ thể trong từng hợp đồng chuyển nhượng phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều này được thực hiện tương tự quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gồm:

a) Tên cơ quan quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Nội dung cơ bản của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Phương thức thực hiện chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

e) Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

g) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý hàng hải.

i) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan quản lý tài sản.

k) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

1) Tổ chức thực hiện.

8. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

b) Cơ quan quản lý tài sản tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc danh mục chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

Có năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá;

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liên tiếp theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

9. Ký hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được ký giữa cơ quan quản lý tài sản và doanh nghiệp trúng đấu giá, gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng quyền khai thác tài sản (cơ quan quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu đối chiếu).

e) Giá trị hợp đồng (theo giá trúng đấu giá).

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng (giá trị chuyển nhượng) có thời hạn quyền khai thác tài sản:

Giá trị chuyển nhượng được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp giá trị chuyển nhượng trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% giá trị chuyển nhượng trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% giá trị chuyển nhượng trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng); phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật khác có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng quyền khai thác (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).

i) Trách nhiệm đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó Bên chuyển nhượng có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 5 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này và Bên nhận chuyển nhượng để theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ tối đa là 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên nhận chuyển nhượng phải thực hiện nếu Bên nhận chuyển nhượng vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng.

Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và phụ lục hợp đồng (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

10. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

a) Tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về hàng hải và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

đ) Được thế chấp tài sản do Bên nhận chuyển nhượng đầu tư và quyền khai thác tài sản của thời gian còn lại cho bên cho vay theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan.

e) Được thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng hàng hải và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

11. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

a) Bảo vệ tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (bao gồm cả đất, mặt nước gắn với công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép công trình và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên chuyển nhượng để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn bằng tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

c) Thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h và i khoản 12 Điều 14 Nghị định này.

12. Cơ quan quản lý tài sản, cơ quan quản lý hàng hải thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

13. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

14. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng:

a) Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 14 Nghị định này.

b) Bên chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 14 Nghị định này.

15. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn.

Căn cứ tiền độ đầu tư dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực tế công trình hoàn thành, giá trị chuyển nhượng quyền khai thác đã nộp cho thời gian còn lại theo hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền chuyển nhượng quyền khai thác đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 9 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) do Bên chuyển nhượng chủ trì, phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 5 Điều này quyết định; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên chuyển nhượng để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều này.

16. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo quy định hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều này.

Điều 16. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là khoản tiền tổ chức thuê quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước để được quyền khai thác tài sản theo hợp đồng ký kết, bao gồm giá thu cố định và giá thu biến đổi. Trong đó:

a) Giá thu cố định là giá trúng đấu giá thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Giá thu cố định được nộp hằng năm hoặc nộp một lần cho cả thời gian thuê. Việc nộp giá thu cố định hằng năm hoặc nộp một lần cho cả thời gian thuê được xác định đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản.

Trường hợp giá thu cố định được nộp hằng năm thì giá thu cố định phải nộp hằng năm được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thu cố định} & = & \text{Giá thu cố định trúng đấu giá} \\ \text{phải nộp một năm} & & \text{của cả thời gian thuê} \\ & & \hline & & \text{Thời hạn thuê quyền khai thác tài sản} \end{array}$$

Trường hợp năm thuê quyền khai thác tài sản không tròn một năm thì giá thu cố định được tính theo số tháng thực tế thuê quyền khai thác, được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thu cố định} & & \text{Giá thu cố định} & & \text{Số tháng thực tế} \\ \text{phải nộp của năm} & = & \text{phải nộp một năm} & \times & \text{thuê của năm đó} \\ \text{thuê không đủ năm} & & \hline & & 12 \text{ tháng} \end{array}$$

b) Giá thu biên đổi hằng năm được xác định bằng 42,5% lợi nhuận trước thuế khai thác tài sản thuê hằng năm. Lợi nhuận trước thuế hằng năm được xác định theo Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định (đối với trường hợp Bên thuê quyền khai thác là doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với trường hợp Bên thuê quyền khai thác là đơn vị sự nghiệp công lập).

2. Giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là khoản tiền doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo hợp đồng ký kết.

3. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là giá thu cố định ban đầu thấp nhất của toàn bộ thời hạn thuê quyền khai thác khi đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản.

b) Giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý.

4. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Các yếu tố cấu thành giá thu cố định gồm:

Giá trị hao mòn tài sản hằng năm được xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã đưa vào sử dụng, khai thác trước thời điểm Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định này mà số tiền thu được từ khai thác tài sản nộp ngân sách nhà nước nhỏ hơn giá trị hao mòn tài sản theo quy định thì phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ khai thác tài sản nộp ngân sách nhà nước và giá trị hao mòn tài sản được chia đều cho các năm sử dụng còn lại của tài sản hoặc các năm cho thuê theo Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (đối với tài sản đã hết hao mòn);

Tiền trả lãi vay hằng năm (trong trường hợp dự án sử dụng vốn vay) được xác định trên cơ sở hiệp định hoặc hợp đồng vay vốn để đầu tư xây dựng tài sản cho thuê quyền khai thác. Trường hợp tại thời điểm xây dựng Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản mà Nhà nước đã chi trả một phần lãi vay thì phần lãi vay Nhà nước đã chi trả được chia đều cho các năm sử dụng còn lại của tài sản hoặc các năm cho thuê để đảm bảo bù đắp phần lãi vay Nhà nước đã chi trả;

Chi phí quản lý của Bên cho thuê gồm:

Chi phí nhân viên quản lý bao gồm các khoản phải trả cho người quản lý như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của cơ quan quản lý khai thác tài sản. Việc xác định chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền lương và các văn bản pháp luật khác có liên quan tương ứng đối với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng;

Chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, chi phí sửa chữa tài sản cố định, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ...;

Chi phí đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý;

Chi phí khấu hao hoặc hao mòn tài sản cố định dùng chung như: nhà làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trong văn phòng (nếu có);

Thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bộ phận quản lý như: chi phí điện, nước, điện thoại...; chi phí khảo sát, lập đề án cho thuê; chi phí thuê tư vấn lập, thẩm định giá cho thuê; chi phí đánh giá lại tài sản (nếu có); chi phí thuê đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Bên thuê (nếu có);

Chi phí bằng tiền khác ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, chi nộp phí tham gia hội nghị và chi phí hợp lý, hợp lệ khác liên quan đến việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho thuê quyền khai thác;

Trong các khoản chi phí phục vụ quản lý nêu trên, khoản chi nào đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán, pháp luật về thống kê và các pháp luật khác có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì xác định theo các quy định đó; khoản chi nào chưa có các căn cứ nêu trên thì người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng thẩm định giá quy định tại khoản 6 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm:

a) Giá trị đầu tư bổ sung theo dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó, giá trị đầu tư bổ sung là phần giá trị do doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện

bằng nguồn kinh phí của mình theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng thẩm định giá quy định tại khoản 6 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

6. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Cơ quan quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá thu cố định (đối với trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản), thẩm định giá chuyển nhượng có thời hạn (đối với trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản) hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá làm cơ sở để xác định giá khởi điểm giá thu cố định (đối với trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản), xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn (đối với trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản). Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá gồm: Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan quản lý tài sản; đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý); đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); đại diện các cơ quan khác (nếu có). Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.

b) Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này lập 01 bộ hồ sơ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá: bản chính;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này: bản sao.

c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hằng năm trong phương án giá khởi điểm để làm doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 15 Nghị định này.

d) Trong thông báo đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải thông tin về giá khởi điểm là giá cố định để đấu giá cho thuê quyền khai thác, giá biến đổi phải nộp, hình thức thu tiền giá thu cố định (hàng năm, một lần cho cả thời gian thuê) theo quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Trường hợp đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải nhưng không thành thì sau 02 lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan quản lý tài sản rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương thức khai thác sang phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải như sau:

a) Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá; việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này.

b) Trường hợp thay đổi phương thức khai thác sang phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

8. Căn cứ các quy định tại Nghị định này, trường hợp trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc cần hướng dẫn cụ thể, Bộ Xây dựng có hướng dẫn để tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Điều 17. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 13 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là tiền thu từ giá sử dụng dịch vụ và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định này (bao gồm cả số tiền thu được từ xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải) được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan theo quy định sau đây làm chủ tài khoản:

Cơ quan được Bộ Xây dựng chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý;

Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

b) Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan có tài sản được khai thác.

c) Nội dung chi:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; chi phí thuê kiểm toán độc lập để phục vụ việc kiểm tra sổ sách kế toán, kết quả kinh doanh khai thác tài sản thuê của Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng (nếu có); chi phí giải quyết tranh chấp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (nếu có); các chi phí khác có liên quan.

d) Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản lập, trình người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản phê duyệt, sau khi có ý kiến thẩm định của chủ tài khoản tạm giữ.

đ) Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 25 Nghị định này.

e) Định kỳ 06 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí tại điểm c, điểm d khoản này được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý, ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Quá thời hạn này mà cơ quan quản lý tài sản không gửi hồ sơ đề nghị thanh toán đến chủ tài khoản tạm giữ để chi trả và cũng không có văn bản về lý do chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán thì chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

g) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên xem xét bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Mục 4

XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 18. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Thu hồi.
2. Điều chuyển.
3. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.
4. Thanh lý.
5. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

6. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

7. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 19. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý.
- b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
- c) Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích, cho mượn tài sản.
- d) Khi có phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

- a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc trung ương quản lý.
- b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc địa phương quản lý.

c) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thu hồi được xử lý theo các hình thức sau:

a) Điều chuyển.

b) Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.

c) Giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):

a) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản chính;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này): bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm: Tên cơ quan có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi tài sản thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giám tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với trường hợp thu hồi theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.

Điều 20. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản.

b) Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

c) Khi có phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

d) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lập 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải

được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này;

Đối với trường hợp điều chuyển tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều này, sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện Quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản điều chuyển.

Điều 21. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản đã được giao cho cơ quan quản lý tài sản nhưng cơ quan quản lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng.

b) Bị loại ra khỏi quy hoạch công trình kết cấu hạ tầng hàng hải.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng

hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất) quản lý, xử lý.

3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với các trường hợp còn lại), cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài

sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận; thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

g) Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản này mà cơ quan quản lý tài sản không bàn giao tài sản hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận tài sản thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận tài sản phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo trì, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

h) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

i) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản trong trường hợp xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý); danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 4 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm e khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá bán tài sản; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 22 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thông báo cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất biết.

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.

Điều 22. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thanh lý trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không có hiệu quả.

b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mới hoặc để đảm bảo giao thông, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý; hình thức thanh lý.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này.

5. Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ công trình:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được.

b) Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được. Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Cơ quan quản lý tài sản có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển ra ngoài Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (01 bộ hồ sơ) gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Trường hợp điều chuyển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị (kèm theo bản sao các hồ sơ quy định tại điểm b khoản này), gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

đ) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan có vật liệu, vật tư điều chuyển do thanh lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng:

Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ).

9. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; cơ quan quản lý tài sản không phải thực hiện trình tự, thủ tục

thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Điều 23. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 1 Điều này thuộc phạm vi quản lý.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 1 Điều này thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản trước khi bị mất, bị hủy hoại); nguyên nhân (lý do) bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm:

- a) Thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật kế toán.
- b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.
- c) Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để khôi phục hoạt động hàng hải an toàn, thông suốt.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định tương ứng của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 24. Xử lý tài sản trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Trường hợp theo quy định của pháp luật, Nhà nước thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này thì phải thực hiện thu hồi hoặc điều chuyển tài sản đó để giao cho doanh nghiệp.

2. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

- a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định này.

- b) Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan đại diện chủ sở hữu) quyết định và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải là Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

b) Căn cứ Quyết định điều chuyển tài sản của Bộ trưởng Bộ Tài chính, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp quyết định và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

4. Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Việc xác định giá trị tài sản đầu tư bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này, việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải sau khi giao cho doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và khoản 8 Điều 7 Nghị định này.

Điều 25. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được Bộ Xây dựng chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

2. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan

nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Căn cứ nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, mức chi quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình cơ quan quản lý hàng hải phê duyệt (thời hạn phê duyệt dự toán là 30 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý tài sản nộp dự toán).

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả chi phí xử lý tài sản hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán (văn bản nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời hạn gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị gia hạn) hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chậm gửi hồ sơ, văn bản và tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

7. Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp ngân sách trung ương (đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý), ngân sách địa phương (đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý) đối với các khoản thu từ xử lý tài sản:

a) Đã hoàn thành việc thanh toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan quản lý tài sản.

b) Hoặc đã quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý tài sản nộp tiền vào tài khoản tạm giữ mà chủ tài khoản tạm giữ không nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hoặc đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán của cơ quan quản lý tài sản.

8. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước giao cho cơ quan quản lý tài sản.

9. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi chủ tài khoản tạm giữ cấp tiền thì cơ quan quản lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý tài sản.

Mục 5

SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Điều 26. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo phương thức đối tác công tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được đầu tư theo phương thức đối tác công tư không làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông hàng hải, đảm bảo hoạt động giao thông hàng hải thông suốt, an toàn và tuân thủ quy định tương ứng của pháp luật về xây dựng, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ

đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.

Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lập 01 bộ hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: Tên cơ quan có tài sản sử dụng để tham gia dự án đầu tư; tên nhà đầu tư tiếp nhận tài sản; danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho nhà đầu tư.

4. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này về việc sử dụng tài sản hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng ký kết, cơ quan quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao tài

sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư có trách nhiệm kế toán, quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

6. Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền.

Mục 6

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 27. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải được báo cáo kê khai và được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu.

3. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai tài sản là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển), xử lý tài sản theo quyết định của cơ

quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, thông tin về tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, cơ quan quản lý tài sản báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm:

a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hằng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập báo cáo, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), báo cáo Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hằng năm.

b) Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu.

7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp.

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Gửi qua Fax.

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.

e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

3. Bộ Xây dựng (đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc địa phương quản lý) chỉ đạo cơ quan quản lý tài sản ở trung ương, địa phương và các cơ quan có liên quan thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

a) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, Bộ Xây dựng chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động hàng hải thông suốt, an toàn.

b) Chỉ đạo rà soát, phân loại, lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.

d) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trên phạm vi cả nước để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

e) Quy định phương pháp xác định giá quy ước đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản (bao gồm cả tài sản thuộc trung ương và tài sản thuộc địa phương quản lý).

Quyết định giá quy ước của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc trung ương quản lý làm cơ sở xác định giá trị tài sản để ghi sổ kế toán đối với các trường hợp chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản.

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trên phạm vi cả nước.

d) Hướng dẫn tích hợp Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động hàng hải thông suốt, an toàn.

b) Chỉ đạo rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

d) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi địa phương quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Quyết định giá quy ước của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc địa phương quản lý làm cơ sở xác định giá trị tài sản để ghi sổ kế toán đối với các trường hợp chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

4. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ điện tử thông qua trực liên thông văn bản quốc gia hoặc hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này và được sử dụng bản quét chữ ký số trên Hồ sơ công việc điện tử thay cho bản chính. Trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này mà phải thực hiện qua nhiều bước thì các bản chính theo quy định của từng thủ tục được lưu tại cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định; các cơ quan khác lưu bản sao.

Điều 30. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan quản lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản phù hợp với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này; cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định, không phải làm lại thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 7 Nghị định này, Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành việc rà soát, thống kê và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi địa phương quản lý:

a) Trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cơ chế quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì tiếp tục thực hiện theo cơ chế đã được phê duyệt và quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cơ chế quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP thì thực hiện giao tài sản, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của hợp đồng ký kết.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện xong (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này) thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện để tổ chức xử lý tài sản đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo hình thức bán theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP:

a) Trường hợp tổ chức cuộc đấu giá không thành theo quy định của pháp luật về đấu giá hoặc kết quả đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản hoặc quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền đã hết hiệu lực theo quy định của pháp luật thì dừng việc bán và thực hiện xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này. Việc xử lý chi phí đã chi ra liên quan đến việc bán tài sản (gồm chi phí kiểm kê, đo vẽ; chi phí xác định giá và thẩm định giá; chi phí tổ chức bán và chi phí khác có liên quan đến việc bán tài sản) thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 5 và 9 Điều 25 Nghị định này.

Trường hợp đã có Quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền và đã thực hiện niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá tài sản thì tiếp tục thực hiện việc đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp đã đấu giá thành nhưng chưa ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định thì tiếp tục thực hiện các thủ tục để hoàn thành việc mua bán tài sản theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định, người mua tài sản (người trúng đấu giá) có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan quản lý tài sản. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại Điều 25 Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm này mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng đã ký kết thì cơ quan quản lý tài sản tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền mua bán tài sản chậm nộp, thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền mua tài sản được thanh toán đầy đủ cho cơ quan quản lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại hợp đồng mua bán tài sản.

c) Trường hợp đã đấu giá thành và đã ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định nhưng người mua tài sản (người trúng đấu giá) chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số tiền mua tài sản cho cơ quan quản lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết thì người mua tài sản tiếp tục thanh toán tiền mua tài sản theo hợp đồng đã ký kết. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại Điều 25 Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

d) Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán.

Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc bán tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này và điểm a khoản này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện xác định giá trị để ghi sổ kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính thì phải hoàn thành việc xác định giá trị tài sản theo quy định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; các công việc chưa thực hiện về kế toán, tính hao mòn tài sản thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

7. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mà doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải đã được giao quản lý tài sản, thực hiện theo kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước trước thời điểm ban hành Nghị định số 43/2018/NĐ-CP và hoàn thành công việc bảo trì sau khi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 12 tháng 3 năm 2018) mà chưa thanh toán đủ kinh phí bảo trì tài sản thì tiếp tục được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thanh, quyết toán.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trường hợp các cơ quan, đơn vị nêu tại Nghị định này sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động dẫn đến thay đổi tên gọi thì sử dụng theo tên gọi mới của cơ quan, đơn vị đó; trường hợp chuyển giao nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại Nghị định này cho cơ quan, đơn vị mới thì cơ quan, đơn vị mới thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ được chuyển giao.

Điều 32. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà